

Bản án số: 109/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/3/2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Kim Xuyên
2. Ông Huỳnh Thanh Tuấn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 755/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐ-ST ngày 18/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/QĐ-TA ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1988; địa chỉ: số 254, tổ 10, ấp K.T 1, xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

*Bị đơn:* Anh Phạm Nhựt T, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp K.T 1, xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và ông Phạm Nhựt T do mai mối cả hai tự tìm hiểu và kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K.T ngày 03/8/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2017, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đánh bạc, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm,

thường xuyên cự cãi và ly thân đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, chị Trúc yêu cầu ly hôn với anh Tiến.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc Đ, sinh ngày 23/7/2006 và Phạm Nhựt Đ1, sinh ngày 29/8/2014. Hiện, cháu Đ đang chung sống với anh Tiến; cháu Đông chung sống với chị Tr. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ1, đồng ý để cháu Đ cho anh Đ1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:*

Giấy khai sinh (bản sao) mang tên Phạm Thị Ngọc Đ, sinh ngày 23/7/2006, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K.T ngày 06/8/2010.

Giấy khai sinh (bản sao) mang tên Phạm Nhựt Đ1, sinh ngày 29/8/2014, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K.T ngày 24/9/2014.

Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) mang tên Phạm Nhựt T, Nguyễn Thị Tr, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K.T ngày 03/8/2010.

Tòa án thụ lý vụ án, anh Phạm Nhựt T được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải đề động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng phía bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được, anh Tiến không có ý kiến phản hồi, cũng như ý kiến gì về việc nuôi con, không ý kiến yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung đối với chị Nguyễn Thị Tr.

Tại biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 23/02/2021 được Ban nhân dân ấp K.H 1, xã K.T cung cấp anh Tiến hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã K.T, huyện Chợ Mới hiện chưa chuyển khẩu đến nơi nào khác. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Tiến, bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Phạm Nhựt T tuy được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Tr và anh Phạm Nhựt T kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K.T ngày 03/8/2010 thuộc trương hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2017, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc nhiều lần chị Tr góp ý nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và ly thân đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, chị Tr yêu cầu ly hôn với anh T.

Xét thấy, từ khi chị Tr gửi đơn khởi kiện, anh T không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc khác, chị Tr xác định không còn tình cảm với ông T, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc, nên chị Tr yêu cầu ly hôn đối với anh T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc Đ, sinh ngày 23/7/2006, Phạm Nhựt Đ1, sinh ngày 29/8/2014. Hiện, cháu Điều theo anh T đi làm tại tỉnh Bình Dương do anh T trực tiếp chăm sóc; cháu Đ1 sống cùng với chị Tr, chị Tr chăm, sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ1 và đồng ý để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng nuôi cần xem xét đến điều kiện phát triển của con chưa thành niên và nguyện vọng của cháu theo quy định của pháp luật. Hiện, cháu Đ đang chung sống cùng với anh T, không có mặt tại địa phương, không ghi nhận được nguyện vọng của cháu; còn cháu Đ1 đang sống chung với chị Tr, vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nên cần ổn định cuộc sống của các cháu, tiếp tục giao cháu Đ1 cho chị Tr và giao cháu Đ cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tr đối với ông Phạm Nhựt T.

- Giao bà Nguyễn Thị Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nhựt Đông, sinh ngày 29/8/2014; và giao anh Phạm Nhựt T được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Ngọc Đ, sinh ngày 23/7/2006. Chị Tr, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn Phạm Nhựt T, sinh năm 1987, nơi cư trú tại xã K.T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 04/02/2021, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa.

Phiên tòa được mở lại lần thứ hai ngày 25/3/2021, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: chị Nguyễn Thị Tr và anh Phạm Nhựt T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã K.T, huyện Chợ Mới vào ngày 03/8/2010, phù hợp với trích lục Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã K.T cấp mà chị Tr cung cấp có trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tr, anh T là hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng giữa chị Tr, anh T hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, mối quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, không còn sống chung đã hơn 02 năm nay, anh T đã dẫn theo cháu Đ đến tỉnh Bình Dương sinh sống và làm việc, kể từ thời điểm ly thân anh T không còn liên lạc qua lại với chị Tr, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống gia đình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến các phiên hòa giải để động viên các bên hàn gắn tình cảm, kết nối để cùng chung sống với nhau

nhưng anh T đều vắng mặt, anh T không đưa ra căn cứ, biện pháp gì, hoàn toàn không có ý kiến phản hồi nào nhằm cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng tiếp tục tình trạng sống ly thân và không quan tâm đến nhau, cuộc sống riêng lẻ của mỗi người, không còn mục tiêu để xây dựng một gia đình. Điều đó, chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận khởi kiện cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Phạm Nhựt T là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc Đ, sinh ngày 23/7/2006 và Phạm Nhựt Đ1, sinh ngày 29/8/2014. Hiện nay, cháu Đ đang chung sống với anh T; cháu Đ1 chung sống với chị Tr. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ1 và đồng ý để cháu Đ cho anh T tiếp tục chăm sóc, giáo dục. Chị Tr không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện phát triển của con chưa thành niên và nguyện vọng của cháu theo quy định của pháp luật. Thời điểm các bên ly thân, cháu Đ sống cùng với anh T, không có mặt tại địa phương, không ghi nhận được nguyện vọng của cháu; cháu Đ1 sống chung với chị Tr, chị Tr nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, cần ổn định cuộc sống cho các cháu, tiếp tục giao cháu Đ1 cho chị Tr và giao cháu Đ cho anh Tiến tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr. Cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Phạm Nhựt T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân xã K.T, huyện C.M cấp ngày 03/8/2010 cho Nguyễn Thị Tr với anh Phạm Nhựt T, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: giao con chung Phạm Thị Ngọc Đ, sinh ngày 23/7/2006 cho anh Phạm Nhựt T tiếp tục chăm sóc, giáo dục và giao cháu Phạm Nhựt Đ1, sinh ngày 29/8/2014 cho Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tr, anh T không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0009042 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, chị Tr đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Nhựt T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**